TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LÂM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** ----------
Số:80/2023/QĐST-DS	Gia Lâm, ngày 31 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 48, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm b tiểu mục 1.3 khoản 1 Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 05/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1950

Nơi cư trú: xã X, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn**: Ông Nguyễn Việt D, sinh năm 1969

Nơi cư trú: Xã L, huyện G, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn*:

Trung tâm tư vấn pháp luật hòa giải thuộc V

Địa chỉ: Đường D, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Tống Thị Thanh N- Chức vụ: Giám đốc.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Quốc T là Cộng tác viên tư vấn pháp luật của Trung tâm tư vấn pháp luật hòa giải thuộc V.

*** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1939.

Nơi cư trú: Xã L, huyện G, thành phố Hà Nội.

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1972.

3. Cháu Nguyễn Thu H, sinh năm 2008.

(Cháu H do ông D và bà M làm đại diện)

Nơi cư trú: Xã L, huyện G, thành phố Hà Nội.

4. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1966.

Nơi cư trú: TDP K, thị trấn T, huyện G, Hà Nội.

5. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: TDP K, thị trấn T, huyện G, Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ huyết thống và hàng thừa kế:

Cụ Nguyễn Văn P, sinh năm 1917, chết ở chiến trường Điện Biên thời chống Pháp năm 1949, là liệt sỹ. Cụ Vũ Thị P1, sinh năm 1918, chết năm 1996. Cụ P và cụ P1 có 03 người con chung:

2.1.1. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1939, trú tại: Xã L, huyện G, thành phố Hà Nội.

2.1.2. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1947, đã chết năm 1990, ông Nguyễn Văn M1 là chồng bà L2. Ông Nguyễn Văn M1 chết năm 1988. Ông M1 và bà L2 có 03 người con là:

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1966, trú tại: TDP K, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội.

- Ông Nguyễn Việt D, sinh năm 1969, trú tại: Xã L, huyện G, thành phố Hà Nội.

- Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1978, trú tại: TDP K, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội.

2.1.3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1950 (tức Nguyễn Thị L3), Nơi cư trú: Xã X,

huyện Đ, Hà Nội.

Cụ P và cụ P1 không có con nuôi, không ai có con riêng. Không có tài sản chung.

2.2. Về di sản thừa kế:

Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 9, diện tích 460 m^2 (đo thực tế là 465,0 m^2) tại xã L, huyện G, thành phố Hà Nội là di sản thừa kế của cụ Vũ Thị P1. Đã được Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội- Chi nhánh huyện G cấp giấy xác nhận đăng ký đất đai số 7668/GXN-VPĐKĐĐGL ngày 29 tháng 5 năm 2017.

2.3. *Về sự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế:*

2.3.1. Ông Nguyễn Việt D và bà Nguyễn Thị M thanh toán cho bà Nguyễn Thị L (tức L3) và bà Nguyễn Thị L1 (do bà L làm đại diện theo ủy quyền) số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

2.3.2. Giao di sản thừa kế của cụ Vũ Thị P1 là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 9, diện tích 460 m^2 (đo thực tế là 465,0 m^2) tại xã L, huyện G, thành phố Hà Nội và các tài sản gắn liền với đất cho ông Nguyễn Việt D và bà Nguyễn Thị M quản lý, sử dụng. (Có hồ sơ kỹ thuật thửa đất kèm theo).

2.3.3. Kể từ ngày bà Nguyễn Thị L (tức L3) nhận đủ số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) của ông Nguyễn Việt D và bà Nguyễn Thị M thì bà Nguyễn Thị L (tức L3) và bà Nguyễn Thị L1 không có quyền lợi gì đối với tài sản là di sản thừa kế của cụ Vũ Thị P1.

Xác nhận ngày 21/7/2023, bà Nguyễn Thị L(tức L3) đã nhận đủ số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) từ ông Nguyễn Việt D và bà Nguyễn Thị M.

2.4. *Về đăng ký quyền sử dụng đất*:

Ông Nguyễn Việt D và bà Nguyễn Thị M có quyền liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Việt D và bà Nguyễn Thị M đối với diện tích đất cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 9, diện tích 460 m^2 (đo thực tế là 465,0 m^2) tại xã L, huyện G, thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật.

2.5. *Về án phí*: Do có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên giảm một phần án phí dân sự cho ông Nguyễn Việt D. Ông Nguyễn Việt D và bà Nguyễn Thị M phải nộp số tiền 28.569.000 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng) án

phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cồ Khắc Đam